

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 634/2018/HSPT

Ngày: 14 - 11 - 2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Duyên

Các Thẩm phán:

Ông Huỳnh Sáng

Ông Hoàng Thanh Dũng

- Thư ký Tòa án: Ông Thới Ngọc Bắc – *Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.*

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Mậu Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 11 năm 2018, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh – xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 390/2018/TLPT- HS ngày 11 tháng 7 năm 2018, đối với bị cáo Nguyễn Văn N, do có kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn N và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đối với bản án hình sự số 181/2018/HSST ngày 30 tháng 5 năm 2018 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị cáo: **Nguyễn Văn N**; Giới tính: Nam, sinh năm 1972 tại tỉnh Tiền Giang; Cư trú tại: Ấp 8, xã P1, huyện G, tỉnh Tiền Giang; Tạm trú: Nhà không số, đường P2, ấp 3, xã P3, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh; Trình độ học vấn: 4/12; Nghề nghiệp: Làm thuê; Con ông Nguyễn Văn D1 (đã chết) và bà Đinh Thị K; Hoàn cảnh gia đình: Có vợ là Nguyễn Thị Thanh G1, sinh năm 1974 (đã chết, là người bị hại trong vụ án), có 02 con, con lớn sinh năm 2001, con nhỏ sinh năm 2011; Tiền sự: Không; Tiền án: Không; Tạm giam ngày 02/7/2016; (Có mặt).

- Người bào chữa cho bị cáo: Ông Đỗ Hải B1, luật sư Văn phòng luật sư B2, Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh; có mặt.

- Người bị hại: Bà Nguyễn Thị Thanh G1; sinh năm 1974 (đã chết);

- Người đại diện hợp pháp của bị hại:

1. Ông Nguyễn Văn T; sinh năm 1937; nơi cư trú: Ấp 2, xã L1, huyện L2, tỉnh Vĩnh Long; (vắng mặt).

2. Bà Trần Thị N1; sinh năm 1939; nơi cư trú: Ấp 2, xã L1, huyện L2, tỉnh Vĩnh Long; (vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, N vụ liên quan:*

1. Trẻ Nguyễn Hoàng S; sinh ngày 12/4/2001; nơi cư trú: Ấp 2, xã L1, huyện L2, tỉnh Vĩnh Long; (vắng mặt).

2. Trẻ Nguyễn Thanh Thủy T1; sinh ngày 16/02/2011; nơi cư trú: Ấp 2, xã L1, huyện L2, tỉnh Vĩnh Long.

Người giám hộ của trẻ S và trẻ T1: Ông Nguyễn Văn T; sinh năm 1937; nơi cư trú: Ấp 2, xã L1, huyện L2, tỉnh Vĩnh Long; (vắng mặt).

- *Giám định viên trực tiếp giám định thuộc giai đoạn điều tra:*

1. Ông Nguyễn Châu V (có mặt)

2. Ông Phan Duy T2 (có mặt)

- *Người làm chứng:*

1. Trẻ Nguyễn Hoàng S; sinh ngày 12/4/2001; nơi cư trú: Ấp 2, xã L1, huyện L2, tỉnh Vĩnh Long; (vắng mặt).

2. Ông Nguyễn Văn C; sinh năm 1985; nơi cư trú: Ấp 8, xã P1, huyện G, tỉnh Tiền Giang; (vắng mặt).

3. Bà Võ Thị Ngọc T3; sinh năm 1984; nơi cư trú: Ấp 8, xã P1, huyện G, tỉnh Tiền Giang; (có mặt).

4. Bà Đinh Thị K; sinh năm 1943; nơi cư trú: Ấp 8, xã P1, huyện G, tỉnh Tiền Giang; (có mặt).

5. Bà Nguyễn Thị Kim D; sinh năm 1970; nơi đăng ký thường trú: 342/107/15/9C Khu phố 6, thị trấn B, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú: 2771/5/1 Ấp 6, xã P4, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh; (vắng mặt).

6. Ông Lê Văn U; sinh năm 1966; nơi cư trú: 156 Ấp 3, xã P3, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh; (vắng mặt).

7. Ông Nguyễn Hữu H; sinh năm 1969; nơi cư trú: Ấp 2, xã L1, huyện L2, tỉnh Vĩnh Long; (vắng mặt).

8. Ông Nguyễn Ngọc Q; sinh năm 1983; nơi cư trú: Ấp 2, xã L1, huyện L2, tỉnh Vĩnh Long; (vắng mặt).

9. Bà Huỳnh Thị Ngọc Y (tên gọi khác: T5); sinh năm 1973; nơi cư trú: 254/78B đường V1, Phường 5, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh; (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và bản án của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào tháng 4 năm 2014, Nguyễn Văn N và vợ là bà Nguyễn Thị Thanh G1 (sinh năm 1974) và 2 người con là Nguyễn Hoàng S (sinh năm 2001) và Nguyễn Thanh Thủy T1 (sinh năm 2011) từ huyện G, tỉnh Tiền Giang đến huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh, tạm trú tại nhà không số đường P2, ấp 3, xã P2, huyện B. N và bà G1 làm thuê tại lò mổ heo của ông Nguyễn Ngọc L ở ấp 5, xã P2, huyện B cách nơi ở của N khoảng 3km. Trong thời gian sinh sống tại xã P2, huyện B giữa N và bà G1 thường xuyên mâu thuẫn, cãi nhau về việc N có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác.

Vào khoảng 04 giờ 30 phút ngày 01/7/2016, Nguyễn Hoàng S thức dậy đi vào phòng ngủ của N, để mở máy tính thì phát hiện có nhiều vết máu và có 1 cái khăn bằng vải màu đen có dính máu, trên sàn nhà trắng xi măng có hình dấu vết dùng khăn lau máu xoắn theo hình tròn, trên giường ngủ có nhiều vết máu. S đến phòng vệ sinh nhìn thấy bà G1 chết trong thùng phuy nước bằng nhựa màu xanh cao 90cm, đường kính 60cm ngập nước, thùng phuy đầy nước. S liền điện thoại cho N nhưng do lúc làm việc N không nghe điện thoại, S điện thoại cho bà Nguyễn Thị Kim D (người làm chung với bà G1) nói là mẹ của S đã chết, bà D báo cho N biết.

Sau đó, N và em ruột là Nguyễn Văn C (cùng làm chung với N) đi về nhà N. N và C ôm bà G1 ra khỏi thùng phuy nước. N tắm rửa thay quần áo cho thi thể bà G1, lấy giẻ và băng keo quấn vết thương ở cổ tay bà G1, lấy mền đắp từ đầu đến chân và để thi thể trên đi-văng ở trong nhà. N thấy 02 con dao Thái Lan có dính máu ở trên giường nên lấy rửa, cất vào hộc tủ. N và C cùng người trong gia đình lau dọn xóa các vết máu trên nền nhà. Sau đó, N gọi điện thoại cho ông Lê Văn U (trưởng ấp) báo rằng bà G1 tự tử chết. Tiếp theo đó, N thuê xe đưa thi thể bà G1 về nhà N ở ấp 8, xã P1, huyện G, tỉnh Tiền Giang. S (con của N) thì gọi điện thoại báo cho gia đình bà G1.

Cha ruột của bà G1 là ông Nguyễn Văn T có nói chuyện điện thoại bảo N đưa xác bà G1 về Vĩnh Long (quê bà G1) để mai táng nhưng N không đồng ý.

Khi N đưa xác bà G1 về Ấp 8, xã P1, huyện G, tỉnh Tiền Giang thì bên gia đình bà G1 cũng cũng đến đây. Trong lúc làm đám tang thì em ruột bà G1 là anh Nguyễn Ngọc Q phát hiện cổ tay bà G1 có vết thương được quấn vải và băng keo để che giấu. Nghi ngờ bà G1 bị giết nên gia đình bà G1 đã báo cho Công an xã P1.

Công an xã P phối hợp với Công an huyện G, tiến hành xác minh kiểm tra thi thể nạn nhân G1 và lấy lời khai những người có liên quan. Xác định có dấu hiệu của tội phạm nên Công an huyện G đã chuyển hồ sơ vụ việc cho Công an huyện B để điều tra xử lý.

Vào lúc 22 giờ ngày 01/7/2016, Công an Thành phố Hồ Chí Minh tiến hành khám nghiệm hiện trường nơi xảy ra vụ án (nhà không số, Tổ 13, Ấp 3, xã P3, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh), thu giữ được:

- 1 con dao rựa lưỡi dao dài khoảng 35cm, cán gỗ có dính máu để ở trên giường sắt (kế bên ván gỗ nơi bị cáo gây án);
- 1 áo thun ngắn tay màu xanh có dính máu;
- 1 đồng hồ báo thức có dính máu;
- 7 vết máu dính trên đồng hồ báo thức, ván gỗ, sàn nhà, máy vi tính, miệng thùng phuy, khe khung cửa sổ, áo thun);

Vào lúc 23 giờ 00 ngày 01/7/2016, Công an xã P3, huyện B thu giữ tại nhà bếp của nhà không số (địa điểm gây án) (bl.160):

- 1 con dao dài khoảng 30cm, lưỡi kim loại, cán gỗ, mũi bằng, trên lưỡi dao có ghi chữ KIWI BRAND;
- 1 con dao dài khoảng 27cm, lưỡi kim loại, cán màu đen, mũi nhọn, trên lưỡi dao có ghi chữ KIWI BRAND;
- 1 con dao dài khoảng 33cm, lưỡi kim loại, cán gỗ, mũi bằng, trên đầu dao có 1 lỗ tròn;
- 1 con dao dài khoảng 33cm, lưỡi kim loại, cán nhựa, mũi nhọn, trên lưỡi dao có ghi chữ KIWI BRAND;

Vào lúc 23 giờ 30 phút ngày 01/7/2016, Công an xã P3, huyện B sử dụng 2 chai nhựa có chữ Aquafina lấy mẫu nước trong thùng phuy nơi gây án.

Vào lúc 10 giờ 30 phút ngày 02/7/2016, Công an huyện B đưa N đến địa điểm gây án thu giữ và niêm phong 2 con dao loại Thái Lan có cùng đặc điểm: dao dài khoảng 22cm, cán nhựa màu vàng dài khoảng 9,5cm, lưỡi kim loại trắng sáng dài khoảng 12,5cm, mũi nhọn. Hai con dao vừa nêu thu giữ trong hộc bàn bằng gỗ được đặt tại lối đi từ cửa sau ra nhà trước, cách cửa sau khoảng 6m, N khai đã dùng 1 trong 2 con dao này cắt vào cổ tay của bà G1.

Vào lúc 11 giờ 00 phút ngày 02/7/2016, Công an xã P3 thu giữ 1 chiếc áo thun phụ nữ màu đỏ, không rách ở phần bụng; 1 chiếc quần thun màu đỏ. Quần, áo đã nêu thu được gần chuồng heo cách địa điểm xảy ra án mạng khoảng 20m. N khai là bộ quần áo bà G1 mặc khi chết.

Ngày 02/7/2016, N bị bắt theo lệnh bắt khẩn cấp của Công an huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại bản giám định Pháp y tử thi số 586-16/KLGD-PY ngày 27/9/2016, của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an Thành phố Hồ Chí Minh, xác định nạn nhân chị Nguyễn Thị Thanh G1 bị chết “do ngạt nước kèm theo mất máu do vết thương đứt cổ tay hai bên”. Trên thi thể bà Nguyễn Thị Thanh G1 có 3 vết thương như sau:

- Vùng bụng phải từ rốn ra ngoài có đứt da, kích thước 07cm x 01cm bờ mép sắc gọn có nhiều vết đứt xước da nông;

- Ở mặt trước 1/3 dưới cẳng tay phải có vết đứt da và cơ, kích thước cả vùng vết thương là 06cm x 03cm;

- Ở mặt trước cẳng tay trái có vết đứt da bờ mép có nhiều mảnh dạng răng cưa, kích thước cả vùng vết thương là 08cm x 07cm.

Tại văn bản số 24/CV-PC54 ngày 28/11/2016, của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an Thành phố Hồ Chí Minh, xác định “Với ba vết thương trên, nạn nhân G1 rất khó có thể tự tạo ra được”.

Tại Công văn số 287/CV-PC54-Đ4 ngày 20/3/2017, của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an Thành phố Hồ Chí Minh, xác định: 7 con dao thu thập được (như đã được nêu ở phần trên) đều có thể gây ra được các vết thương trên người nạn nhân Nguyễn Thị Thanh G1”.

Tại Công văn giải thích pháp y số 524/CV-PC54-Đ4 ngày 08/6/2017, của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an Thành phố Hồ Chí Minh, xác định “Thực nghiệm điều tra ngày 02/7/2016 do Nguyễn Văn N mô tả và diễn lại cách thức dùng dao Thái Lan cắt cổ tay nạn nhân G1 và sau đó bỏ nạn nhân G1 vào thùng phuy nước thì phù hợp với cơ chế hình thành các vết thương trên cơ thể nạn nhân G1”;

Tại bản kết luận số 159-16/KLGD ngày 29/8/2016 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an Thành phố Hồ Chí Minh kết luận “Con dao bằng gỗ dài 62cm dính máu người, thuộc nhóm máu O - Mẫu áo thun ngắn tay màu xanh: dính máu người, thuộc nhóm máu O - Dấu vết thu hiện trường ghi số 3, số 4 trong thùng CPU, số 4 trên cánh tủ, số 6 trên nền nhà vệ sinh, mảnh vải ghi số 8 là máu người, thuộc nhóm O, cùng với nhóm máu với mẫu máu ghi thu của nạn nhân Nguyễn Thị Thanh G1.

Cơ quan điều tra đã tiến hành thực nghiệm điều tra, N đã diễn tả lại toàn bộ các thao tác thực hiện hành vi phạm tội giết bà G1, phù hợp với hiện trường, diễn biến của vụ án và cách thức tạo ra các vết thương trên người của bà G1.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B và Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh, N khai nhận như sau: Vào khoảng thời gian 01 giờ 15 ngày 01/7/2016, bị cáo và bà G1 thức dậy chuẩn bị đi đến lò mổ heo để làm việc. Nhưng sau khi chuẩn bị xong, N vẫn còn mệt (do ngày hôm trước N uống rượu say) nên N lại vào phòng ngủ lên giường nằm nghỉ. Bà G1 vào phòng ngủ leo lên giường kêu N dậy. Lúc này, bà G1 có cầm theo 02 con dao Thái Lan cán vàng (dụng cụ mang theo để đi làm). N nói nghỉ làm để lo đám giỗ nhưng G1 không chịu và chửi N. Trong lúc chửi N, G1 nhắc chuyện N có vợ bé, không lo làm ăn để nuôi con cái. N nói “Mày chết đi, tao lo cho con cũng được”. N nói liên tiếp câu nói vừa nêu hai, ba lần thì G1 cầm dao Thái Lan bằng tay phải tự cắt vào cổ tay trái của mình. N giật dao của G1 nhưng G1 vẫn tiếp dùng dao cắt vào tay của mình làm chảy máu. Thấy vậy, N nói “Mày muốn

chết, tao cho mày chết luôn”. Nói xong, N giật con dao trên tay của bà G1. Trong lúc giật con dao, N để mũi dao cắt trúng phần bụng của bà G1 (có lúc N khai cầm dao cứa vào bụng bà G1). Sau khi giật được dao, N cầm dao bằng tay trái (N thuận tay trái), còn tay phải của N thì cầm tay phải của bà G1 ; N cắt liên tiếp 2 nhát vào cổ tay phải của bà G1. Do bị mất máu và choáng nên bà G1 nằm xuống giường. Lúc này, N để con dao xuống giường. Được khoảng vài giây thì bà G1 bật dậy và bỏ chạy vào nhà vệ sinh. N chạy theo với mục đích giết bà G1. Khi đến nhà vệ sinh thì N thấy bà G1 bị ngất xỉu nhưng chưa chết (vì thấy bà G1 còn thở). Do nóng giận và muốn giết chết G1 nên N ẵm G1 bỏ vào thùng phuy đang đựng đầy nước để trong nhà vệ sinh. N bỏ 2 chân bà G1 vào trước. N thấy toàn bộ cơ thể G1 đều ngập trong nước, nước trong thùng phuy tràn ra ngoài, bà G1 có giấy giữa nhưng rất yếu ớt. Sau đó, bị cáo bỏ đi làm xem như không có việc xảy ra, bỏ mặc cho G1 chết. N, đến nơi làm việc trong khoảng thời gian từ 1 giờ 50 phút đến 2 giờ ngày 01/7/2016. Đến khoảng 4 giờ 20 phút thì S có gọi điện cho bà Nguyễn Thị Kim D (người làm chung với bà G1) nhờ báo cho N biết là bà G1 đã chết. Ngay sau đó, N và em ruột là Nguyễn Văn C đi về nhà. Khi về đến nhà, N và C đưa xác bà G1 ra khỏi thùng phuy. N, tắm rửa, thay đồ cho thi thể của bà G1. N xóa dấu vết hiện trường bằng cách lấy 2 con dao Thái Lan để ở trên giường, rửa và cất vào hộc bàn gỗ đặt ở lối đi từ cửa sau ra nhà trước; để phuy nước vào phía trong, dùng giẻ lau chùi các vết máu trong phòng ngủ. Sau đó, N báo cho gia đình biết là bà G1 tự tử, vì trước đó G1 đã tự tử một lần nhưng được cứu sống. Sau đó, bị cáo nhanh chóng tìm cách chôn cất bà G1 để tránh bị nghi ngờ. Khi đưa thi thể bà G1 về đến Tiền Giang để mai táng thì anh chị em và cha của bà G1 nghi ngờ về nguyên nhân bà G1 chết nên đã báo cho Cơ quan công an.

Tuy nhiên, kể từ ngày 10/9/2016, khi Cơ quan cảnh sát Điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh lấy lời khai bị cáo có sự tham gia của Luật sư thì bị cáo không nhận tội, phủ nhận những lời khai như đã nêu với lý do: Khi mới bị bắt bị cáo không tinh táo, nghĩ rằng “Việc giết người không quan trọng” nên đã khai giết bà G1, diễn biến việc giết bà G1 là do bị cáo tự nghĩ ra.

Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã mở phiên tòa lần đầu vào ngày 21/12/2017. Tại phiên tòa này, bị cáo cũng không thừa nhận việc giết bà G1. Bị cáo khai trình như sau:

Vào buổi tối ngày 30/6/2016, bị cáo ngủ một mình trên phản gỗ ở trong phòng, còn bà G1 ngủ trên nền gạch cùng với các con. Khoảng 1 giờ 30 phút ngày 30/6/2016, như thường lệ, bị cáo thức dậy và đi đánh răng, thay đồ để đi làm. Ngay sau đó, bà G1 cũng thức dậy đi rửa bình sữa cho con. Sau khi đã đánh răng và thay đồ, bị cáo và bà G1 ngồi trên nền gạch gần chỗ các con ngủ. Bị cáo có nói với bà G1 rằng hôm nay không làm vệ sinh (ý nói làm vệ sinh ở nơi làm) để về sớm đi chợ làm đám giỗ. Bà G1 không nói gì. Sau đó, bị cáo đi làm. Đến khoảng 4 giờ ngày 01/7/2016 thì bà X (người làm chung với bà G1) báo cho bị cáo biết là bà G1 chết. Bị cáo và em ruột bị cáo là Nguyễn Văn C đi về nhà. Khi

về đến nhà, bị cáo hỏi S “Mẹ thế nào rồi”, S nói “Mẹ chết rồi”. Sau đó, bị cáo và N ôm xác bà G1 ra khỏi thùng phuy nước. Lúc đó, bà G1 mặc áo thun màu xanh có in chữ “Cơ sở giết mổ Phước Kiển”, bên trong có bận thêm 1 áo thun nhưng bị cáo không nhớ màu gì, có bận quần nhưng bị cáo cũng không nhớ màu gì. Sau đó, bị cáo tắm rửa, thay đồ cho bà G1 và dọn dẹp, lau chùi nhà, rồi gọi điện cho ông Lê Văn U (trưởng ấp) báo là bà G1 tự tử chết. Ông U nói với bị cáo không cần phải báo công an.

Xét thấy cần phải làm rõ một số nội dung liên quan nên Hội đồng xét xử đã ra quyết định hoàn trả hồ sơ cho Viện kiểm sát Thành phố Hồ Chí Minh, yêu cầu điều tra bổ sung.

Kết quả điều tra bổ sung như sau:

1. Tiền hành ghi lời khai Nguyễn Hoàng S và Nguyễn Văn C, cả hai khai nhận khi phát hiện bà G1 chết trong thùng phuy nước thì bà G1 mặc áo thun màu xanh dương, phía sau lưng có ghi dòng chữ “Cơ sở giết mổ Phước Kiển”. S và C không nhớ bà G1 mặc quần màu gì và áo lót bên trong màu gì. Kiểm tra vật chứng thu giữ kết quả: áo thun màu xanh dương, phía sau lưng có ghi dòng chữ “Cơ sở giết mổ Phước Kiển” không có vết rách ở vùng bụng; áo thun nữ màu đỏ không có vết rách vùng bụng; quần thun nữ màu đỏ có vết rách ở gần lưng quần (tất cả đã được chụp ảnh).

2. Khi phát hiện bà Nguyễn Thị Thanh G1 chết, cháu Nguyễn Hoàng S có nhìn thấy chiếc gối bị dao cắt đứt để trên phản bằng gỗ. Khi khám nghiệm hiện trường, do chiếc gối ôm được phát hiện phía sau nhà là hiện trường phụ nên Cơ quan điều tra chỉ chụp hình ghi nhận mà không thu giữ.

3. Ghi lời khai ông Lê Văn U, Ông U khai không có nhậu chung với Nguyễn Văn N vào ngày 30/6/2016. Trong ngày 30/6/2016, Ông U đi đám cưới con của một người bạn ở Nhà hàng Tháp Ngà, ấp 3, xã P3, huyện B rồi về nhà ngủ cho đến ngày hôm sau. Khi N báo bà G1 chết, Ông U không có nói với N là không cần báo Công an.

4. Bà Đinh Thị K khai: Từ khoảng 16 giờ 30 ngày 30/06/2016, bà K ở nhà cùng con dâu Nguyễn Thị Thanh G1. Thời điểm này, Nguyễn Văn N đi nhậu về, bà G1 dọn cơm cho N ăn, N không ăn mà đến văng nằm, một lúc sau thì N vào phòng ngủ. Bà K cùng bà G1 và cháu T1 ăn cơm, còn cháu S không ăn. Ăn cơm xong bà K lên văng nằm đến khoảng 20 giờ thì bà K đi ngủ. Khoảng 03 giờ 30 phút đến 04 giờ ngày 01/7/2016 thì cháu S gọi bà K dậy báo là bà G1 đã chết.

5. Ghi lời chị Nguyễn Thị Kim D (là người làm chung lò mổ heo với Nguyễn Văn N, Nguyễn Văn C và bà G1), chị D khẳng định ngày 01/07/2016, chị không có hỏi N “Tại sao vợ anh không đi làm”. Tiền hành ghi lời khai anh Nguyễn Văn C, anh C khai lại như sau: C đang làm việc thì nghe có người hỏi N “Tại sao vợ anh không đi làm?” thì N trả lời “Hôm nay vợ tôi bệnh nên không đi làm”, C không rõ ai hỏi do lúc này trong lò mổ rất đông người.

6. Qua xác minh, Công an xã P3 xác định vào đêm 30/6/2016 và 01/7/2016 không phát hiện có gì bất thường ở xung quanh nhà nơi xảy ra vụ án.

7. Tại Công văn số 213/CV-PC54-Đ4 ngày 02/02/2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an TP.HCM giải thích pháp y tử thi Nguyễn Thị Thanh G1 như sau:

- Không đủ cơ sở để nhận định: Trong dạ dày của Nguyễn Thị Thanh G1 có khoảng 2000 ml dịch đục màu xám rêu, niêm mạc bắt đầu thoái hóa (niêm mạc dạ dày trên đại thể có hình ảnh mất nếp nhăn niêm mạc, trên vi thể có hình ảnh ngấm phù, xâm nhập tế bào viêm lympho bào, mô bào, rải rác bạch cầu đa nhân trung tính ở bề mặt lớp niêm mạc cũng như trong lớp cơ niêm) có phải là do thức ăn cuối cùng của nạn nhân hay là nước nạn nhân uống khi bị bỏ vào thùng phuy nhựa.

- Tại bản Kết luận giám định số 586-16/KLGD-PY ngày 27/9/2016 của Phòng Kỹ thuật hình sự- Công an TP.Hồ Chí Minh kết luận nguyên nhân chết của nạn nhân Nguyễn Thị Thanh G1 là chết do ngạt nước kèm theo mất máu do vết thương đứt cổ tay hai bên thì nạn nhân G1 có thể uống nước cùng với hít nước vào đường thở.

- Không đủ căn cứ nhận định nạn nhân G1 ăn bữa ăn cuối cùng vào lúc mấy giờ.

Trong quá trình điều tra và tại các phiên tòa ngày 21/12/2017 và 17/4/2018, những người làm chứng khai như sau:

Anh Nguyễn Hoàng S khai:

Khoảng 18 giờ ngày 30/6/2016, bà G1 và bà Đinh Thị K (bà nội của S, mẹ đẻ của bị cáo N) có ăn cơm chung với nhau. Khoảng 20 giờ thì bà K đi ngủ, còn bà G1 và trẻ T1 xem phim “Cô dâu 8 tuổi”. Khoảng 20 giờ 30 phút cùng ngày thì anh ăn cơm một mình. Khoảng 21 giờ, S đi ngủ. Do trẻ Nguyễn Thanh Túy T1 đòi ăn mì tôm nên bà G1 có nấu mì cho T1 ăn. Sau đó, anh đi ngủ nên không biết bà G1 có ăn gì hay không.

Khoảng 01 giờ 30 phút, anh giật mình tỉnh giấc vì nghe tiếng bước chân của N ở khu vực sàn nước. Lúc này, anh không thấy bà G1 còn nằm ngủ chung trong mùng (thường ngày, bà G1, S và trẻ T1 ngủ chung). Sau đó, anh nghe tiếng bước chân của N đi từ sàn nước đến chỗ cột con chó, nghe tiếng N khạc đàm và nói “bữa này khỏi đi làm” nhưng không nghe tiếng ai trả lời, không gian rất im lặng. Một lúc sau thì N gạt chân chống xe và đẩy xe đi làm. Thường ngày, sau khi N đi làm được khoảng 10 đến 15 phút thì bà G1 cũng thức dậy và chuẩn bị đi làm, khi bà G1 thức dậy thì đi đánh răng, khi bà G1 đánh răng thì anh nghe được vì bà G1 đánh răng nghe tiếng rất lớn; khi đi làm thì bà G1 kêu anh dậy để đóng cửa. Tuy nhiên, vào ngày đã nêu, sau khi N đi làm thì anh không nghe tiếng đánh răng của bà G1, anh đợi hoài không thấy bà G1 gọi dậy đi đóng cửa nên anh ngủ tiếp đi.

Khoảng 04 giờ sáng ngày 01/7/2016, S thức dậy và đi vào phòng của N để sử dụng máy vi tính. Khi mở đèn lên thì S phát hiện dưới sàn có vết máu khô và có dấu hiệu cho thấy ai đó đã lau chùi, cạnh đó có một miếng vải hay cái áo màu đen được cuộn lại có dính máu. Ở dưới nền trong phòng có nhiều giọt máu đang đông lại. Sau đó, S kéo rèm che giường ngủ của N thì thấy trên giường có 02 con dao Thái Lan cán màu vàng có dính máu, cạnh đó có 1 vũng máu; 1 chiếc gối ôm có dính máu, có vết dao cắt. Các vật dụng để trên giường như quạt, mũm đều có dính máu. Khi anh đi xuống nhà vệ sinh thì phát hiện bà G1 bị chết trong thùng phuy nước, lúc đó bà G1 mặc áo thun màu xanh có ghi chữ “Cơ sở giết mổ Phước Kiển”, bên trong có mặc thêm một áo thun nhưng anh không nhớ màu gì. Anh cũng không nhớ là bà G1 mặc quần màu gì. Anh có gọi điện cho N nhưng không được nên anh gọi điện báo cho chị D là bà G1 đã chết và nhờ chị D báo lại cho N. Sau đó, N và ông Nguyễn Văn C (em ruột N) về nhà và đưa bà G1 ra khỏi thùng phuy nước có sự chứng kiến của bà K. N tắm rửa, thay đồ cho thi thể bà G1. C thì mang chiếu, mền, gối ôm có dính máu ra ngoài, bà K và thím Út (bà Nguyễn Thị Ngọc T6, vợ C) thì lau chùi sàn nhà. Tiếp theo đó, N đưa xác bà G1 về quê để chôn cất. Trên đường đưa xác bà G1 về Tiền Giang, N dặn S nếu có ai hỏi thì cứ nói mẹ tự tử chết. Khi về đến nhà nội của S, N tiếp tục dặn S nếu bên ngoài có hỏi thì cứ nói mẹ tự tử chết.

Bà Đinh Thị K (mẹ bị cáo) khai: Vào khoảng 16 giờ 30 ngày 30/6/2016, bà đang ở nhà N cùng với bà G1, trẻ S và trẻ T1 thì N đi nhậu về. G1 dọn cơm cho N ăn nhưng N không ăn mà lên võng nằm. Bà cùng G1, T1 ăn cơm; còn S thì không ăn. Lúc này, N cũng vào phòng của N để ngủ. Đến khoảng 20 giờ cùng ngày, bà K lên giường nằm ngủ. Khoảng 3 giờ 30 phút đến 4 giờ ngày 01/7/2016 thì S kêu bà nói rằng “Nội ơi, mẹ con chết rồi”. Bà hốt hoảng và không biết gì. Một lúc sau thì N, C về khiêng xác bà G1 ra khỏi phuy nước, bà thì ra phía trước nhà ngồi và không biết gì.

Bà Nguyễn Thị Kim D (người làm chung với bà G1) khai: Bà và bà G1 làm chung tại khâu làm lòng heo ở lò mổ Phước Kiển. Thời gian làm việc thường ngày tại lò mổ bắt đầu từ 01 giờ 30 phút. Vào khoảng 01 giờ 45 phút ngày 01/7/2016, bà không thấy bà G1 đi làm nên có gọi điện thoại cho bà G1 nhưng không thấy bà G1 bắt máy trả lời (có lúc thì bà D khai đã gọi điện cho bà G1 lúc 02 giờ 20 phút). Bà D nghĩ rằng bà G1 ở nhà để lo đám giỗ nên không gọi tiếp. Do chỗ bà D làm việc cách chỗ N làm việc một bức tường nên lúc đó bà D không thấy N. Khoảng 03 giờ 30 phút cùng ngày, thì S có dùng điện thoại của bà G1 gọi cho bà D vừa khóc vừa nói “Mẹ con chết rồi kêu cha con về liền”. Do bận công việc nên bà có nhờ bà X (bà Huỳnh Thị Ngọc Y) báo lại cho N.

Theo bà được biết thì vợ chồng N có mâu thuẫn với nhau xuất phát từ việc N có vợ bé, sự việc này bà biết được là do bà G1 khi còn sống đã nói lại.

Ông Nguyễn Văn C (em ruột bị cáo) khai:

Ông C và N làm chung cùng bộ phận ở lò mổ. Ngày 01/7/2016 ông đến lò mổ làm việc vào khoảng thời gian từ 01 giờ 30 phút đến 01 giờ 45 phút. Khi làm

việc chung với N ở lò mổ thì có một người phụ nữ hỏi N “Hôm nay tại sao vợ anh không đi làm” thì N trả lời rằng “Hôm nay vợ tôi bệnh nên không đi làm”. Tuy nhiên, lúc này trong lò mổ có nhiều người nên ông C không rõ ai là người đã hỏi N. Trong lúc làm việc, N có biểu hiện sao nhãng, không tập trung.

Khoảng 04 giờ ngày 01/7/2016, bà X (bà Huỳnh Thị Ngọc Y) là người làm chung trong lò mổ có gặp N và nói rằng “Vợ mày chết, con mày điện thoại, mày đi về liền”. Nghe vậy, ông C chạy đến nhà N thì thấy cháu S, cháu T1, bà K đang ở trong nhà. Ông C chạy vào phòng ngủ của N thì thấy trên giường ngủ của N có rất nhiều máu. Lúc này, N cũng vừa về và chạy đến phòng ngủ của N, lượm con dao Thái Lan cán màu vàng (ông C không nhớ chính xác con dao nằm ở đâu). N cầm con dao và kêu lên “Trời ơi, sao con dao còn ở đây”. Ông C hỏi S “Mẹ con đâu rồi”, S nói “Mẹ con ở nhà tắm”. Ông C chạy đến nhà tắm thì thấy bà G1 đang ở trong thùng phuy nước. Ông C và N khiêng bà G1 từ trong thùng phuy nước ra để dưới nền nhà. Lúc này, bà G1 mặc áo thun ngắn tay màu xanh, ở lưng áo có ghi chữ “Cơ sở giết mổ Phước Kiển”, bên trong có mặc thêm 1 áo thun nhưng ông C không nhớ màu gì. Sau đó, N tắm rửa, thay đồ cho bà G1, còn ông C thì đi ra phía trước nhà nói chuyện với Ông U. Khi ông C quay vào thì thấy N đã tắm rửa, thay đồ cho thi thể bà G1 xong rồi nên ông C và N khiêng bà G1 để nằm trên đi-văng ở trong nhà, lấy mền phủ từ đầu đến chân bà G1. Sau đó, ông C cùng N và bà K dùng nui giẻ lau nước dưới nền nhà nơi bà G1 nằm. Một lúc sau thì vợ ông là bà Võ Thị Ngọc T3 đến phụ lau nước trên nền nhà. Sau khi lau dọn xong, ông đi đến lò mổ tắm và lấy quần áo rồi đi về phòng trọ. Lúc này, bà T3 cũng về đến nhà nên ông C chở bà T3 đến nơi làm việc xin nghỉ làm để về lo đám tang.

Ông Lê Văn U (trưởng ấp) khai:

Ông U là Trưởng ấp nơi N ở nên có biết N và thường xuyên nhậu chung với N. Tuy nhiên, ngày 30/6/2016, Ông U không có nhậu chung với N.

Vào khoảng 11 giờ ngày 30/6/2016, Ông U đi đám cưới người quen, đến khoảng 14 giờ cùng ngày thì về đến nhà và đi ngủ vì lúc đó đã say. Trong lúc Ông U đi đám cưới thì C có đến nhà Ông U nhậu chung với con rể của Ông U là Trần Văn T4, em vợ Ông U là Trần Văn T5 và D1 (em vợ T5).

Vào khoảng 05 giờ ngày 01/7/2016, Ông U đang ngủ ở nhà thì N có gọi điện thoại cho Ông U nói rằng: Vợ em đã tự vẫn chết rồi. Ông U đi đến nhà N đứng ngoài sân nhìn vào nhà thì thấy 2 đứa con của N đứng trước nhà, N, C, mẹ N ở trong nhà, vợ N nằm trên đi-văng được đắp mền phủ từ đầu đến chân. N nói với Ông U rằng “Anh giúp em mua hòm làm đám ma vợ em”. Ông U nói rằng “Đất mảy ở của ông Láng, ông Láng có cho làm đám ma không”. Khoảng 5 phút sau, C điện thoại cho ông Láng xin làm đám ma nhưng ông Láng không cho nên C nói với N “Anh Bảy ơi, ông Láng không cho làm đám ma”. Lúc đó có Lê Văn S1 làm ở Tổ dân phòng cũng có mặt nên Ông U có nói với N rằng “Có thằng S1 chủ trại hòm đứng ở sân kia, kêu Sang kêu xe dùm”. Sang kêu xe đến thì N, C cùng những người làm chung ở lò mổ khiêng xác bà G1 để lên xe. Lúc khiêng

xác bà G1 ra thì xác bà G1 được phủ mền từ đầu đến chân nên Ông U không thấy rõ bà G1 như thế nào. Ông U khẳng định rằng N có nói với ông là bà G1 tự vẫn chết và không có việc ông nói với N là không cần phải báo công an.

Bà Nguyễn Thị Ngọc T6 (vợ C, em dâu bị cáo) khai: Vào khoảng 05 giờ ngày 01/7/2016, ông C gọi điện báo cho bà T3 biết rằng bà G1 bị chết. Khi bà đến nhà N thì thấy bà G1 nằm trên đi-văng và được đắp mền từ đầu đến chân. C bảo bà T3 phụ N lau máu trong phòng của N nhưng bà chỉ lau nước trên nền nhà ở phía ngoài phòng của N. N bảo bà lau phân của bà G1 ở trên nền nhà. Bà lau xong và đến kéo mền đắp trên thì thấy bà G1 xuống thì thấy có 02 vết thương ở cổ tay của bà G1. Bà lấy áo gió mặc cho bà G1 và lấy vớ đeo vào chân bà G1. Sau đó, bà đến Công ty xin nghỉ việc để lo đám tang cho bà G1.

Ông Nguyễn Hữu H (anh ruột bà G1) khai: Vào khoảng 05 giờ ngày 01/7/2016, em trai của Phúc là Nguyễn Ngọc Q điện thoại cho ông H và báo là S có điện thoại cho Ông Q nói rằng bà G1 đã chết. Do vậy, Ông Q điện thoại cho N hỏi rằng tại sao bà G1 chết. N nói rằng bà G1 bị té vào thùng phuy nước. Nói xong, N tắt máy điện thoại.

Ông Nguyễn Ngọc Q (em của bà G1) trình bày: Vào khoảng 05 giờ ngày 01/7/2016, S có gọi điện thoại cho Ông Q và nói rằng “Cậu út, mẹ con chết rồi”. Sau đó, Ông Q gọi điện thoại báo lại cho ông H. Khoảng 06 giờ cùng ngày, ông điện thoại cho N và đề ông Nguyễn Văn T (cha đẻ của ông H) nói chuyện với N. Ông T bảo N chở xác bà G1 về nhà ông T ở Vĩnh Long để làm đám tang nhưng N cương quyết không đồng ý với lý do là chôn G1 ở quê N để G1 và N được “gần gũi” với nhau. Ông Q cùng gia đình thuê xe đi đến nhà N ở huyện G, tỉnh Tiền Giang. Khi đến nơi thì N đã đưa xác bà G1 về đến nhà. Ông Q vào nhà thì thấy xác bà G1 được đắp mền từ đầu đến chân. Ông Q mở mền ra thì thấy xác bà G1 mặc áo khoác dài tay phủ hết cổ tay. Ông Q kéo tay áo của bà G1 lên thì thấy ở cổ tay bà G1 được quấn vải che kín vết thương và dùng băng keo bản lớn quấn nhiều lớp cho chặt lại. Do nghi ngờ bà G1 bị giết nên Ông Q mở băng keo và vải quấn ở cổ tay bà G1 ra thì thấy vết thương bị cắt ở cổ tay lật lia bàn tay. Sau đó, Ông Q bảo bà Nguyễn Thị Lệ H1 (chị ruột Ông Q) điện thoại báo cho công an xã P1, huyện G, tỉnh Tiền Giang biết là bà G1 bị giết mà không phải do tự tử.

Tại bản án hình sự số 181/2018/HSST ngày 30/5/2018 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn N phạm tội “Giết người”. Áp dụng điểm n Khoản 1 Điều 93; Khoản 2 Điều 46; điểm e Khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 1999; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn N tù chung thân về tội “Giết người”.

Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận tại phiên tòa việc ông Nguyễn Văn T không có yêu cầu gì đối với bị cáo Nguyễn Văn N và dành cho bà Trần Thị N1 quyền khởi kiện vụ án dân sự nếu bà N1 có yêu cầu.

Ngoài ra bản án còn buộc bị cáo N phải nộp án phí, xử lý vật chứng tuyên quyền kháng cáo cho bị cáo, đại diện hợp pháp của người bị hại và người có quyền lợi, N vụ liên quan.

Sau khi xử sơ thẩm:

- Ngày 06/6/2018 bị cáo Nguyễn Văn N kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt với lý do án sơ thẩm xử nặng.

- Ngày 11/6/2018, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh kháng nghị bản án số 181/2018/HSST ngày 30 tháng 5 năm 2018 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh – Đề nghị Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đưa vụ án ra xét xử theo hướng sửa bản án sơ thẩm, áp dụng thêm tình tiết tăng nặng “*Có hành động xảo quyết, hung hãn nhằm trốn tránh, che giấu tội phạm*” theo điểm o Khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 1999, tăng hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Văn N từ chung thân lên tử hình với lý do bị cáo Nguyễn Văn N phạm tội thuộc trường hợp đặc biệt nghiêm trọng, giết chết vợ mình là Nguyễn Thị Thanh G1, bị cáo thực hiện tội phạm dã man, sau khi phạm tội N có hành động xảo quyết nhằm che dấu hành vi phạm tội, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã 03 lần mở phiên tòa xét xử bị cáo nhưng bị cáo liên tục chối tội, không thừa nhận hành vi phạm tội của mình, thể hiện bị cáo không biết ăn năn hối cải, cần xử bị cáo mức hình phạt tử hình mới đúng với tính chất, mức độ của tội phạm mà bị cáo đã thực hiện.

Tại phiên tòa:

Bị cáo Nguyễn Văn N thay đổi nội dung kháng cáo từ nội dung xin giảm nhẹ hình phạt sang nội dung kháng cáo kêu oan cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm xử bị cáo giết vợ là không đúng. Tuy nhiên, bị cáo cũng xác định vết thương trên thi thể bà G1 thì không thể tự tử được nhưng bị cáo không trả lời được câu hỏi tại sao không báo công an khi về thấy vợ chết mà còn dặn con và nói với mọi người là bà G1 tự tử.

Ngoài ra bị cáo khai nhận tại phiên Tòa phúc thẩm những nội dung sau:

- Bị cáo không có mâu thuẫn gì với các nhân chứng trong vụ án.

- Bà G1 mắc bệnh trầm cảm do ghen với việc bị cáo có nhân tình như lời khai của các nhân chứng là đúng.

- Loại Áo màu xanh cơ quan điều tra thu đi giám định là áo của cơ sở giết mổ phát cho bà G1 và bị cáo mặc khi đi làm áo này trong nhà chỉ có bị cáo và bà G1 mặc chứ không ai mặc. Đối với chiếc áo màu xanh nêu trong kết luận số 159-16/KLGD ngày 29/8/2016 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an Thành phố Hồ Chí Minh kết luận... Mẫu áo thun ngắn tay màu xanh: dính máu người, thuộc nhóm máu O... cùng với nhóm máu với mẫu máu ghi thu của nạn nhân Nguyễn Thị Thanh G1 bị cáo không biết là của ai (nội dung lời khai này giống như bị cáo khai tại cơ quan điều tra).

Lời khai của các nhân chứng

- Bà Đinh Thị K vẫn giữ nguyên lời khai như trước đây không trình bày thêm nội dung gì khác.

- Bà Võ Thị Ngọc T3 khai bà là em dâu bị cáo là người trực tiếp lau dọn phòng của bị cáo bà xác định lời khai trước cơ quan điều tra là sự thật. Ngoài ra, khai chính bà là người lau các vết phân rải rác từ phía giường của bị cáo N tới cửa phòng vệ sinh.

Phân giải thích của các giám định viên

- Ông Phan Duy T2: Căn cứ khoa học pháp y thì chiếc áo xanh nêu trong *kết luận số 159-16/KLGĐ ngày 29/8/2016 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an Thành phố Hồ Chí Minh kết luận... Mẫu áo thun ngắn tay màu xanh: dính máu người, thuộc nhóm máu O... cùng với nhóm máu với mẫu máu ghi thu của nạn nhân Nguyễn Thị Thanh G1* không thể là chiếc áo đã được ngâm nước trước khi thu giữ gửi đi giám định. Bởi áo có dính máu người nạn nhân mặc bị ngâm nước cùng với nạn nhân trong thùng nước như nội dung vụ án thì không còn các dấu vết như áo gửi đi giám định.

- Ông Nguyễn Châu V giải thích:

+ Nạn nhân bị cắt đứt lìa hai cổ tay dẫn đến hôn mê do mất máu (tư thế nằm) nếu tỉnh dậy thì không thể tự mình đứng để đi được và càng không thể tự mình leo vào thùng nước cao 90cm được.

+ Nạn nhân bị tác động cho tắc thở đột ngột hoặc mất máu cấp thì thường xuất hiện phân ở hậu môn.

+ Đối với việc nạn nhân có thể tạo ra được 2 vết thương ở hai cổ tay (Như bà G1) được hay không ông Vinh cho rằng có thể được với điều kiện nạn nhân phải cố định vật sắc nhọn vào một vị trí nhất định rồi đưa tay vào cắt.

+ Chiếc gối ôm bị vết cắt, dính máu người như bản ảnh khám nghiệm hiện trường vụ án chụp trong hồ sơ. Nếu kẻ gây án dùng chặn lên vùng cổ và mặt nạn nhân thì sẽ gây cho nạn nhân ngạt thở và không thể la hét.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm xét xử vụ án cho rằng: Bản án sơ thẩm xét xử bị cáo là đúng người đúng tội không oan nhưng mức án tòa sơ thẩm tuyên hình phạt tù chung thân đối với bị cáo là có phần chưa tương xứng với hành vi do bị cáo gây ra bởi; do bị cáo Nguyễn Văn N phạm tội thuộc trường hợp đặc biệt nghiêm trọng, giết chết vợ mình là Nguyễn Thị Thanh G1, bị cáo thực hiện tội phạm dã man, sau khi phạm tội N có hành động xảo quyệt nhằm che dấu hành vi phạm tội, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã 03 lần mở phiên tòa xét xử bị cáo nhưng bị cáo liên tục chối tội, không thừa nhận hành vi phạm tội của mình, thể hiện bị cáo không biết ăn năn hối cải, cần xử bị cáo mức hình phạt tử hình mới đúng với tính chất, mức độ của tội phạm mà bị cáo đã thực hiện. Do vậy vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh chấp nhận kháng nghị xét xử theo hướng

sửa bản án sơ thẩm, áp dụng thêm tình tiết tăng nặng “Có hành động xảo quyệt, hung hãn nhằm trốn tránh, che giấu tội phạm” theo điểm o Khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 1999, tăng hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Văn N từ chung thân lên tử hình.

Bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn N trình bày quan điểm bào chữa đưa ra các lập luận:

- Nội dung vụ án như nhận định của bản án sơ thẩm căn cứ lời khai nhận tội ban đầu của bị cáo là chưa phù hợp với thực tế khách quan bởi: bị cáo thực hiện hành vi giết vợ như lời khai ban đầu thì tất yếu S và bà K phải nghe và thức dậy, nhưng trong vụ án thể hiện S và bà K không hay biết là điều vô lý.

- Căn cứ kết quả giám định và phần giải thích của Giám định viên thì vẫn có trường hợp bà G1 tự tử dù xác suất 1%.

- Bị hại chết vào khoảng thời gian từ 1 giờ đến 2 giờ sáng như án sơ thẩm quy kết ở tư thế ngồi trong thùng nước thì thi thể khi bế ra không thể duỗi thẳng được.

- Việc bị cáo không lý giải được vì sao nhận tội ban đầu không phải là căn cứ kết tội bị cáo.

Từ những lập luận trên luật sư đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo kêu oan của bị cáo, bác toàn bộ nội dung kháng nghị. Tuyên bố bị cáo không phạm tội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tranh luận đối đáp cho rằng:

- Căn cứ các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, dấu vết hiện trường, lời khai nhân chứng thì không có vật sắc nhọn nhọn nào cố định trong hiện trường. Nên vấn đề người bị hại tự tạo ra vết thương trong vụ án này không có.

- Trong bản án chỉ quy kết thời gian gây án chứ không xác định thời gian nạn nhân chết lúc 1 giờ đến 2 giờ như luật sư nêu bởi bị cáo sau khi gây án bỏ mặc hậu quả.

Lời nói sau cùng của bị cáo

Bị cáo ngu dốt nên nhận việc giết vợ, kính mong Hội đồng xét xử xem xét cho hoàn cảnh khó khăn của bị cáo, mẹ già, con nhỏ để chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Khoảng 04 giờ 30 phút, ngày 01/7/2016, con trai N và bà G1 là Nguyễn Hoàng S thức dậy đi vào phòng ngủ của N để mở máy tính thì phát hiện có nhiều vết máu và có 01 chiếc khăn bằng vải màu đen có dính máu, trên sàn nhà

trắng xi măng có hình dấu vết dùng khăn lau máu xoắn theo hình tròn, trên giường ngủ có nhiều vết máu, S đến phòng vệ sinh nhìn thấy bà G1 chết trong thùng phuy nước bằng nhựa màu xanh cao 90cm, đường kính 60cm ngập nước. S điện thoại cho N nhưng không thấy N nghe máy nên đã điện thoại cho bà Nguyễn Thị Kim D (người làm chung lò mổ với bà G1) và nhờ bà D báo cho N biết. Sau đó, N và em ruột là Nguyễn Văn C (cùng làm chung với N) đi về nhà N. N và C ôm bà G1 ra khỏi thùng phuy nước. N tắm rửa, thay quần áo cho thi thể bà G1, lấy giẻ và băng keo quấn vết thương ở cổ tay bà G1, lấy mền đắp từ đầu đến chân và để thi thể bà G1 trên đi-văng ở trong nhà, 02 con dao dính máu ở trên giường N lấy rửa, cất vào hộc tủ và cùng với Nguyễn Văn C và người trong gia đình lau dọn các vết máu trên nền nhà. Sau đó N gọi điện cho ông Lê Văn U (trưởng ấp) báo rằng bà G1 tự tử chết. Sau đó N thuê xe đưa thi thể bà G1 về nhà N ở ấp 8, xã P1, huyện G, tỉnh Tiền Giang để tiến hành chôn cất. Nguyễn Hoàng S gọi điện báo cho gia đình bên ngoại biết. Sau khi biết tin bà G1 chết, ông Nguyễn Văn T gọi điện cho N nói N đưa thi thể bà G1 về Vĩnh Long nhưng N không đồng ý. Trong lúc làm đám tang thì em ruột bà G1 là anh Nguyễn Ngọc Q phát hiện cổ tay bà G1 có vết thương được quấn vải và băng keo để che giấu. Nghi ngờ bà G1 bị giết nên gia đình bà G1 đã báo cho Công an xã P1. Công an xã P phối hợp với Công an huyện G, tỉnh Tiền Giang tiến hành xác minh kiểm tra thi thể nạn nhân G1 và lấy lời khai những người có liên quan. Xác định có dấu hiệu của tội phạm nên Công an huyện G đã chuyển hồ sơ vụ việc cho Công an huyện B để điều tra xử lý. Tại cơ quan điều tra Công an huyện G, tỉnh Tiền Giang, Cơ quan điều tra Công an huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh và Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an Thành phố Hồ Chí Minh, Nguyễn Văn N đã khai nhận chính bản thân N là người đã thực hiện hành vi phạm tội giết vợ là bà Nguyễn Thị Thanh G1.

Theo lời khai ban đầu bị cáo N khai: Nguyễn Văn N cùng vợ là Nguyễn Thị Thanh G1 và 02 con là Nguyễn Hoàng S và Nguyễn Thanh Thủy T1 tạm trú tại nhà không số đường P2, ấp 3, xã P3, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh. N và bà G1 làm thuê tại lò mổ của ông Nguyễn Ngọc Láng ở ấp 5, xã P3, huyện B. Từ khi sinh sống tại Thành phố Hồ Chí Minh, giữa N và bà G1 thường xuyên phát sinh mâu thuẫn do bà G1 cho rằng N có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác.

Khoảng 01 giờ 15 phút, ngày 01/7/2016, Nguyễn Văn N và bà G1 thức dậy để chuẩn bị đi đến lò mổ heo để làm việc. Nhưng sau khi chuẩn bị xong, N vẫn mệt do hôm trước uống rượu say nên N lại vào phòng ngủ và lên giường nằm nghỉ. Bà G1 vào phòng ngủ gọi N dậy đi làm nhưng N nói hôm nay nghỉ làm để chuẩn bị lo đám giỗ nhưng bà G1 không đồng ý nên hai vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn. Trong lúc cãi nhau, bà G1 cầm dao Thái Lan bên tay phải tự cắt vào cổ tay trái của mình, N giật dao của bà G1 nhưng không được nên nói “Mày muốn chết, tao cho mày chết luôn”. Nói xong, N giật dao trên tay của bà G1, trong lúc giật dao, N để mũi dao cắt trúng phần bụng của bà G1. Sau khi giật được dao từ tay vợ, N cầm dao bằng tay trái và dùng tay phải giữ tay phải của bà G1 rồi cắt liên

tiếp 02 nhát vào cổ tay phải của bà G1, do bị mất máu nên bà G1 bị choáng và nằm xuống giường. Vài giây sau bà G1 tỉnh dậy và chạy vào trong nhà vệ sinh, N thấy vậy liền chạy theo vào nhà vệ sinh thì thấy bà G1 nằm ngất trong nhà vệ sinh. Trong lúc bà G1 bị ngất, N ẵm bà G1 bỏ vào thùng phuy đang đựng đầy nước để trong nhà vệ sinh, bà G1 có giấy giữa nhưng rất yếu ớt. Sau đó, N đi đến lò mổ heo làm việc và xem như không có việc gì xảy ra.

Tại bản giám định Pháp y tử thi số 586-16/KLGD-PY ngày 27/9/2016, của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an Thành phố Hồ Chí Minh, xác định nạn nhân chị Nguyễn Thị Thanh G1 bị chết “do ngạt nước kèm theo mất máu do vết thương đứt cổ tay hai bên”.

Tuy nhiên, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh nhiều lần mở phiên tòa xét xử bị cáo nhưng bị cáo N phản cung, không nhận tội giết vợ là Nguyễn Thị Thanh G1 mà cho rằng việc giết người là bình thường nên nhận đại, thực ra theo N thì bà G1 tự tử chết.

Bản án sơ thẩm nhận định: “Theo lời khai của S (con bị cáo), thì buổi tối ngày 30/6/2016, S ngủ chung với bà G1 và cháu T1, còn N ngủ riêng trong phòng; khoảng 1 giờ 30 phút thì S giật mình tỉnh giấc thì không thấy bà G1 còn ngủ chung, anh nghe tiếng bước chân của N ở khu vực sàn nước và N có nói “Bữa nay khỏi đi làm” nhưng không nghe tiếng ai trả lời, không gian rất im lặng. Cũng theo S khai thì thường ngày khi bà G1 thức dậy để đi làm, bà G1 đánh răng thì tiếng đánh răng rất lớn nhưng vào ngày xảy ra sự việc thì S không nghe thấy tiếng đánh răng của bà G1. Điều này chứng tỏ vào thời điểm đã nêu bà G1 đã bị N giết. Phù hợp với lời khai ban đầu của bị cáo về thời điểm giết bà G1. Bị cáo nói câu nói vừa nêu chỉ nhằm đánh lừa người trong gia đình.

- Theo lời khai của ông C (em của ruột N) thì khi N đến nơi làm việc có người đã hỏi N “Hôm nay tại sao vợ anh không đi làm” thì N có trả lời rằng “Hôm nay vợ tôi bệnh nên không đi làm”. Điều này chứng minh rằng N biết vợ chết không thể đi làm, việc N trả lời gian dối là nhằm che giấu tội phạm. Ông C còn khai trình khi đến lò mổ, N có biểu hiện sao nhãng, không tập trung trong khi làm việc. Đây là biểu hiện tâm lý thông thường của người mới thực hiện hành vi phạm tội.

- Tại phiên tòa ngày 17/4/2018, S khai rằng khi N về đến nhà, N có hỏi S “Mẹ đâu rồi”, S nói “Mẹ ở nhà tắm” nhưng N lại chạy vào phòng ngủ trước; N thừa nhận việc này và giải thích rằng do lúc đó bị cáo bị “quáng”. Theo lời khai của ông C thì khi về đến nhà, N chạy đến phòng ngủ của N, lượm con dao Thái Lan cán màu vàng (ông C không nhớ rõ vị trí con dao nằm ở đâu) và kêu lên “Trời ơi, sao con dao còn ở đây”. Điều này thể hiện N đã dùng dao giết bà G1 nhưng quên chưa cất dao nên khi về đến nhà bị cáo đã chạy vào phòng để kiểm tra, khi thấy con dao bị cáo đã bộc phát nói câu nói vừa nêu mà không kịp kiểm soát. Bị cáo lấy 2 con dao Thái Lan có dính máu mang đi rửa nhưng không cất vào chỗ để dao ở bếp mà lại cất vào hộc tủ gỗ cũng là việc làm không bình thường, thể hiện có ý thức che giấu vật chứng.

- Các vết thương trên 2 cổ tay của bà G1 là rất lớn, gần như bị đứt lìa, không chỉ đứt cơ mà đứt cả gân. Khi làm vệ sinh thi thể bà G1, N hoàn toàn có thể nhận thức được sự bất thường và biết được bà G1 không thể tự tạo ra. Tại phiên tòa, bị cáo cũng thừa nhận rằng vào thời điểm làm vệ sinh thi thể bà G1, bị cáo nhận thức được bà G1 bị ai đó giết. Do vậy, nếu bị cáo không phải là hung thủ thì theo lẽ thường bị cáo phải báo cho Cơ quan Công an để truy tìm hung thủ. Tuy nhiên, bị cáo đã không báo cho Cơ quan công an mà tự ý lau chùi xóa bỏ dấu vết hiện trường. Bị cáo còn có hành vi gian dối đó là thông báo cho Ông U (trưởng ấp) và gia đình bà G1 là bà G1 tự tử.

- Trên đường đưa xác bà G1 về Tiền Giang, N dặn S rằng nếu có ai hỏi thì cứ nói mẹ tự tử chết. Khi về đến nhà nội của trẻ S, N tiếp tục dặn S rằng nếu bên ngoại có hỏi thì nói mẹ tự tử. Điều này cho thấy bị cáo đang cố ý tìm cách che giấu hành vi phạm tội của mình.

- Từ ngày 02/7/2016 đến 08/7/2016, Công an huyện B và Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh đã 7 lần tiến hành ghi lời khai của N, N đều thừa nhận đã giết bà G1 bằng cách dùng dao cắt vào cổ tay bà G1 và bỏ vào thùng phuy nước (bl.40-54). Từ ngày 02/7/2016, bị cáo cũng 7 lần viết bản tự khai và tường trình có nội dung thừa nhận giết bà G1 bằng cách dùng dao cắt vào cổ tay bà G1 và bỏ vào thùng phuy nước trong khi bà G1 bị ngạt xỉu, chưa chết (bl.63-69). Lời khai này phù hợp phù hợp với kết quả pháp y kết luận bị hại chết do mất máu và ngạt nước. Bị cáo cũng thừa nhận không bị bức cung, nhục hình. Do vậy, lời khai nhận tội như đã nêu là khách quan, có cơ sở để tin cậy.

- Loại trừ khả năng bà G1 bị người khác giết, bởi các lý do sau:

+ Theo xác minh của Cơ quan công an thì trong đêm ngày 30/6/2016 đến thời điểm phát hiện bà G1 chết, ở khu vực xung quanh nơi xảy ra án mạng không có gì bất thường. Mặt khác, nhà bà G1 có nuôi chó nhưng không nghe tiếng chó sủa nên hung thủ phải là người trong nhà.

+ Theo lời khai của S thì vào khoảng 4 giờ ngày 01/7/2016, khi vào phòng ngủ thì S thấy dưới sàn có vệt máu khô và có dấu hiệu cho thấy ai đó đã lau chùi, cạnh đó có một miếng vải hay cái áo màu đen được cuộn lại có dính máu; khi vào nhà vệ sinh thì thấy bà G1 chết trong thùng nước, trên đầu vẫn đội cái nón kết thường đi làm. Điều này chứng minh rằng hung thủ đã lau chùi vết máu sau khi gây án và đội nón cho bà G1 để xóa dấu vết hiện trường, đánh lạc hướng điều tra. Theo lẽ thông thường, nếu hung thủ là người ngoài thì sẽ không mạo hiểm thực hiện hành vi này, vì nhà bà G1 có nuôi chó và trong nhà bà G1 còn có nhiều người khác.

- Loại trừ khả năng bà G1 tự tử bằng cách tự dùng dao cắt vào 2 cổ tay và vào bụng của mình rồi leo vào thùng nước để tự tử, bởi lẽ:

+ Nếu bà G1 tự cắt vào tay và người mình rồi đi đến nhà vệ sinh leo vào thùng nước thì với vết thương như đã được mô tả thì trên lối đi từ phòng ngủ

đến nhà vệ sinh và nhà vệ sinh phải có dấu vết máu. Tuy nhiên, theo S khai trình thì khi phát hiện xác bà G1 trong thùng phuy thì anh không thấy dấu vết máu ở nhà vệ sinh (có lúc khai là thấy rất ít), trên hành lang đi từ phòng ngủ đến nhà vệ sinh thì thấy có rất ít máu (bl.80)." Từ nhận định này Tòa sơ thẩm quy kết hành vi phạm tội của bị cáo.

Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định: Căn cứ chuỗi hành vi do bị cáo thực hiện khi nghe tin vợ mình chết như sau: Bị cáo nhận tin từ người làm chung không gọi về nhà kiểm tra mà đi luôn về nhà; Khi đi về đến nhà bị cáo không đến nơi phát hiện thi thể vợ mà lại đi đến giường ngủ vạch mùng để kêu sao hai con dao còn đây và rửa dao cất đi (lời khai của C em trai N); khi đến nơi bà G1 thì ẵm bà G1 ra và nói với mọi người là bà G1 đã chết không cho gọi cấp cứu. Ngoài ra còn dặn con và nói với người thân là vợ tự tử chết đưa đi chôn chứ không trình báo công an. Chính bản thân bị cáo cũng thừa nhận với việc hai tay bị cắt lìa như vậy không thể do tự tử được, nhưng bị cáo không lý giải được tại sao không báo công an mà lại dặn con trai bên ngoại hỏi sao mẹ chết thì nói mẹ tự tử và thông báo với mọi người là vợ mình tự tử. Ngoài ra, lời khai của các nhân chứng là em, con trai và bị cáo đều thể hiện bị cáo có tình nhân nên thường xuyên xô xát cãi vã với vợ; Theo lời khai của một số nhân chứng nơi làm chung với bị cáo thể hiện vào hôm án mạng xảy ra bị cáo đến nơi làm có biểu hiện sao nhãng, thất thần thiếu tập trung. Bản thân bị hại không có mâu thuẫn với ai, không nợ ai và hiện trường không mất tài sản gì. Do vậy nghi can gây án mạng cho bà G1 là bị cáo. Tại cơ quan công an nơi trình báo có án mạng nghi can Nguyễn Văn N (bị cáo) viết tự khai; cán bộ ghi lời khai bị cáo thì bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội giết vợ là bà G1. Tuy vậy lời khai ban đầu của bị cáo có chưa logic về việc bị cáo khai nguyên nhân bị cáo giết vợ là do có cãi nhau và vợ là bà G1 có ý tự tử bị cáo ngăn không được nên giết luôn. Vì nếu có cãi nhau giằng co rồi bị cáo giết bà G1 thì sẽ có tiếng ồn dẫn đến cháu S và bà K thức dậy.

Trên cơ sở kết quả thực nghiệm điều tra, dựng lại hiện trường do chính N thực hiện (đối với hình người làm bằng sáp không có giăng co cãi vã); căn cứ vào kết luận giám định pháp y tử thi của bà G1; Căn cứ vào các văn bản giải thích pháp y và phần trình bày của các giám định viên tại phiên Tòa phúc thẩm; tang vật thu giữ trong vụ án và lời khai của người có quyền lợi, N vụ liên quan, lời khai của người làm chứng, đủ cơ sở để xác định Nguyễn Văn N là người đã gây ra cái chết cho nạn nhân Nguyễn Thị Thanh G1. Bởi bản thân N khẳng định các bản tự khai, lời khai nhận do chính bị cáo giết bà G1 khi cơ quan công an hỏi với tư cách là kẻ nghi can vụ án không ai ép cung hay nhục hình đối với bị cáo. Bị cáo lý giải cho hành vi nhận giết bà G1 là do chính bị cáo khai nhận không bị ai ép buộc chỉ vì nghĩ rằng *giết người là không quan trọng nên khai* điều này càng thể hiện tính côn đồ và coi thường tính mạng người khác của bị cáo. Hơn nữa căn cứ kết quả giải thích của Giám định viên tại phiên Tòa phúc thẩm kết hợp với lời khai của bị cáo xác định chiếc áo giám định có mẫu máu của bà G1 là do bị cáo mặc. Với hành vi như đã nêu trên, Tòa án nhân dân

Thành phố Hồ Chí Minh tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn N phạm tội “Giết người” theo Điều 93 Bộ luật hình sự năm 1999 là đúng người, đúng tội.

Xét quan điểm bào chữa của vị luật sư bào chữa cho bị cáo cho rằng với diễn biến hành vi do bị cáo gây ra như lời khai của bị cáo là không phù hợp với thực tế khách quan vì giữa bị cáo và vợ có sự to tiếng giằng co khi bị cáo cắt tay bị hại thì buộc phải có tiếng động dẫn đến mẹ bị cáo và con trai bị cáo phải nghe và thức dậy. Chính vì lời khai của bị cáo không phù hợp với thực tế khách quan nên vị luật sư đề nghị hủy bản án sơ thẩm để Tuyên bị cáo không phạm tội. Hội đồng xét xử nhận định vấn đề lời khai của bị cáo không phù hợp với thực tế khách quan về tiếng động như luật sư nêu là có căn cứ. Do vậy, cần xem xét lại một số nội dung khai nhận ban đầu của bị cáo, cụ thể: lời khai ban đầu của bị cáo cho rằng xuất phát từ việc bị cáo và vợ cãi nhau và bà G1 có ý tự tử bị cáo ngăn không được nên giết luôn là không đúng. Vì nếu có cãi nhau giằng co với vợ rồi bị cáo giết bà G1 như bị cáo khai thì sẽ có tiếng ồn dẫn đến cháu S và bà K phải nghe. Bị cáo khai bị hại G1 cắt tay tự tử trước nên bị cáo giằng dao để giết G1 nhằm giảm tính giã man, còn đồ của hành vi do bị cáo gây ra nhưng chính điểm này đã tạo ra sự không lô gic về hành vi như vị Luật sư đã lập luận nêu trên. Sự thật được bị cáo và các nhân chứng khai *do sự thiếu chung thủy của bị cáo nên bị cáo thường xuyên đánh vợ*. Chính sự thật này xác định bị cáo thực hiện hành vi giết vợ là có dự mưu từ trước chứ không thể như lời bị cáo khai nài là *nhân việc vợ muốn tự tử bị cáo giết vợ luôn*. Sai sót của cơ quan điều tra khi khám nghiệm hiện trường và thu giữ vật chứng chỉ chụp hình và không thu thập vật chứng là chiếc gối ôm có vết cắt và dính máu để thực nghiệm điều tra đấu tranh với bị cáo. Đây là vật chứng kẻ gây án đã dùng chặn lên mặt nạn nhân khi thực hiện hành vi cắt tay nhằm gây ngạt thở và chặn sự la hét của nạn nhân. Nạn nhân bị mất máu nhiều ngất xỉu kẻ gây án vác nạn nhân bỏ vào phuy nước thì hợp lôgic. Vì với vết cắt bị lia hai cổ tay thì nạn nhân khó có thể tự ngồi dậy để chạy vào nhà vệ sinh như lời khai của bị cáo. Điều này cũng lý giải về việc có phân rải từ phía giường vào nhà vệ sinh (Vấn đề này đã được các giám định viên giải thích rõ tại phiên tòa phúc thẩm). Việc không trung thực trong lời khai của bị cáo về nguyên nhân, hoàn cảnh thực hiện hành vi phạm tội không phải là căn cứ tuyên bố bị cáo vô tội như lời bào chữa của Luật sư.

Xét kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn N và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử nhận thấy: Tòa án nhân dân cấp sơ thẩm đã áp dụng điểm n Khoản 1 Điều 93 Bộ luật hình sự và tình tiết tăng nặng “Cố tình thực hiện tội phạm đến cùng” quy định tại điểm e Khoản 1 Điều 48 đồng thời vận dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại Khoản 2 Điều 46 (bị cáo có mẹ già và con nhỏ) Bộ luật hình sự xử phạt Nguyễn Văn N tù chung thân.

Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy, với hành vi tước đoạt mạng sống của vợ mình là bà Nguyễn Thị Thanh G1 chỉ vì mẫu thuẫn vợ chồng xuất phát từ sự thiếu chung thủy của bị cáo, Tòa án nhân dân cấp sơ thẩm áp dụng điểm n

Khoản 1 Điều 93 Bộ luật hình sự là đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên, việc Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng tình tiết tăng nặng “Cố tình thực hiện tội phạm đến cùng” theo điểm e Khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự là chưa chính xác. Vì: với mục đích tước đoạt mạng sống của vợ mình, bị cáo đã ẵm bà G1 đang ngất vì mất máu bỏ vào thùng nước và để mặc bà G1 chết do ngạt nước và mất máu. Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội một cách liên tục và không bị tác động cản trở từ phía bên ngoài. Vì vậy, việc áp dụng tình tiết tăng nặng “Cố tình thực hiện tội phạm đến cùng” theo điểm e Khoản 1 Điều 48 là chưa đủ cơ sở.

Sau khi thực hiện hành vi tước đoạt tính mạng của vợ mình, để che dấu tội phạm mà mình thực hiện, bị cáo đã chủ động xóa vết máu, rửa và cất hung khí gây án, đi làm như không có chuyện gì xảy ra, tung tin giả, rằng vợ mình tự tử, dẫn con rằng khi có người hỏi thì nói mẹ tự tử, sau khi giết vợ, bị cáo thuê xe đưa bà G1 về quê chôn cất... chỉ khi người nhà nạn nhân nghi ngờ và báo Công an thì hành vi của Nguyễn Văn N mới bị phát hiện. Như vậy sau khi thực hiện hành vi giết người, bị cáo còn thực hiện một loạt các hành động nhằm cản trở hoạt động tư pháp của cơ quan điều tra, truy tố, xét xử làm cho tội phạm mà bị cáo thực hiện có nguy cơ khó bị phát hiện. Vì vậy, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị áp dụng thêm tình tiết tăng nặng “Có hành động xảo quyệt, hung hãn nhằm trốn tránh, che giấu tội phạm” theo quy định tại điểm o Khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 1999 là có cơ sở để chấp nhận.

Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm nhận thấy, chỉ vì mâu thuẫn trong cuộc sống vợ chồng xuất phát từ việc thiếu chung thủy của mình mà bị cáo Nguyễn Văn N đã dùng dao cắt 2 cổ tay vợ mình, khi bà G1 ngất do mất máu, N đã ẵm bà G1 cho vào thùng nước làm bà G1 chết do ngạt nước và mất máu, sau đó bị cáo còn thực hiện một loạt hành vi nhằm làm cho mọi người tưởng vợ mình tự tử chết để trốn tránh tội phạm. Hành vi của bị cáo là không thể không đối diện với mức án cao nhất của khung hình phạt. Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xét thấy cấp sơ thẩm vận dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại Khoản 2 Điều 46 (bị cáo có mẹ già và con nhỏ) để không tuyên án Tử hình bị cáo là thể hiện tính khoan hồng và nhân đạo của pháp luật chứ không nhận định hành vi của bị cáo chưa đến mức áp dụng hình phạt cao nhất của khung hình phạt (bản án sơ thẩm không sai. Hơn nữa, như nhận định ở trên Hội đồng xét xử xác định tình tiết tăng nặng áp dụng cho bị cáo là Điểm o Khoản 1 Điều 48 thay cho Điểm e như án sơ thẩm áp dụng). Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Tuy vậy, mức án cũng phải thể hiện tính chất trừng trị, giáo dục răn đe và phòng ngừa chung cho toàn xã hội. Với tính chất, mức độ nguy hiểm và hậu quả do hành vi của bị cáo gây ra thì hình phạt tù không thời hạn đối với bị cáo N của Tòa án nhân dân cấp sơ thẩm tuyên là phù hợp, hình phạt đã thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật.

Vì vậy, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt (sau đó đổi thành kêu oan) của bị cáo Nguyễn Văn N, kháng nghị tăng nặng hình phạt đối với bị cáo N của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hiệu kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng điểm a Khoản 1, Khoản 2 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo **Nguyễn Văn N** và kháng nghị tăng hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Văn N của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Văn N** phạm tội “Giết người”.

Áp dụng điểm n Khoản 1 Điều 93; điểm o Khoản 1 Điều 48; Khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999.

Xử phạt: **Nguyễn Văn N** tù chung thân.

Thời hạn tù tính từ ngày 02/7/2016.

Tiếp tục tạm giam bị cáo 45 ngày kể từ ngày tuyên án phúc thẩm để đảm bảo thi hành án.

Bị cáo **Nguyễn Văn N** phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không có kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Thanh Dũng

Huỳnh Sáng

Phạm Thị Duyên